

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK10	7:25	11+10	0+0		10+12	0+0	
2		P4+BK6	7:25	20+0	0+0		18+4	0+0	
3		RC8+CTC1+CLO	7:25	2+0+13	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
4		P1+P2	7:25	8+13	0+0		8+14	0+0	
5		P10+RP3	9:25	14+8	0+0		7+15	0+0	
6		PPD+BK5	9:25	19+2	0+0		16+6	0+0	
7		BK4+P11	9:25	5+17	0+0		4+18	0+0	
8		P2+AMD	9:25	18+3	0+0		18+4	0+0	
9		RP3	10:25	17	0		19	0	
10		P10	11:40	21	0		22	0	
11		P9+BK3	11:40	13+5	0+0		15+7	0+0	
12		KNT	12:30	12	0		19	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đi về trong ngày p9-1ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P9 - BK10	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/2929		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ VĂN TIẾN	P9	37	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P9	36	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VIỆT	P9	47-48	2	14			86	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG MẠNH THẮNG	P9	44	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BÁ NẾP	P9	49	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	38	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9	46	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	40-41	2	15			54	YTE	Vietnamese
9	ĐOÀN NGỌC VŨ LINH	P9	39	1	4			72	DK9	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH ĐẠI	P9	42-43	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HIỆN	P9	45	1	4			53	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	91	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC TIẾN	BK10	88-90	3	14	1	20	82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	55	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGHIÊM XUÂN ÁNH	BK10	71	1	7			53	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	53-54	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	BK10	56	1	8			73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN THÁI BÌNH	BK10	57	1	5			70	XAYLAP	Vietnamese
19	CAO MINH CƯỜNG	BK10	68-69	2	16	1	15	87	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG MINH	BK10	70	1	18			80	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH GIÀU	BK10	52	1	5			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	11	745	14	97	0	0	10		
2	BK10	10	712	14	94	2	35	12		
TOTAL		21	1.457	28	191	2	35	22		
WEIGHT KG			1.457		191		35			

GRAND TOAL: 1.683 KG8

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: CAM-1	TO: P4 - BK6	CREW: HÙNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2936	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ TRUNG KIÊN	P4	53	1	20			75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH NGỌC QUÝ	P4	63	1	6			81	KHI	Vietnamese
3	LƯƠNG THANH VŨ	P4	55	1	7	3	50	80	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	67	1	3			69	KHI	Vietnamese
5	TẠ XUÂN HIẾU	P4	54	1	7			65	KHI	Vietnamese
6	PHẠM THẾ TRƯỜNG	P4	61	1	7			78	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4						83	KHI	Vietnamese
8	LÊ TRUNG LÂM	P4						71	KHI	Vietnamese
9	PHAN HỒNG TÂM	P4	57-59	3	12			65	KHI	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	66	1	5			77	KHI	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HIỂN	P4						62	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	64	1	4			62	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TÀI	P4						70	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	56	1	10			67	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ HUY	P4	62	1	5			70	KHI	Vietnamese
16	PHẠM BÌNH NAM	P4	51-52	2	11			60	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	65	1	5			82	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NAM	P4	68	1	5			79	PSV	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN HẢI	P4	69	1	6			57	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	60	1	3			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	20	1.407	19	116	3	50	18		
2	BK6	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.407	19	116	3	50	22		
WEIGHT KG			1.407		116		50			

GRAND TOAL: 1.573 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: <i>Vans</i> 1	TO: RC8 - CTC1 - CLO	CREW: NAM - VTHẮNG - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/2932		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI VĂN MINH	RC8	23-24	2	13			61	CODIEN	Vietnamese
2	HỒ NGUYỄN PHÚC	RC8	22,35	2	15			88	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG DUY LÝ	CLO	34	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	41	1	13			79	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	32	1	11			75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU THẮNG	CLO	38	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH XUÂN PHÚ	CLO	39	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
8	TẠ HOÀI TRANG	CLO	35	1	12			75	ANTOAN	Vietnamese
9	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	42-43	2	10			80	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM TẮT LỰC	CLO	36-37	2	11			70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN KHANG	CLO	40	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
12	BÙI XUÂN DUY	CLO	44	1	6	1	20	65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	46-47	2	19	1	10	60	KHOAN	Vietnamese
14	BÙI TRẦN NAM	CLO	45	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐOÀN SỬU	CLO	33	1	6			62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC8	2	149	4	28	0	0	0		
2	CTC1	0	0	0	0	2	40	1		
3	CLO	13	912	16	117	2	30	21		
TOTAL		15	1.061	20	145	4	70	22		
WEIGHT KG			1.061		145		70			

GRAND TOAL: 1.276 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYENX THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM ☒NGÔ VĂN THẮNG ☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG - 1	TO: P1 - P2	CREW: ĐỨC - T.HIỆU - DSON	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/2939		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN ĐỨC ĐẠT	P1	01,46	2	14			71	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ VIỆT LONG	P1	43-44,84	3	19			60	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN BẢO CHUÔNG	P1	41-42	2	22			71	T-TIN	Vietnamese
4	ĐINH XUÂN TOÀN	P1	39-40	2	14			63	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P1	47	1	4			77	PSV	Vietnamese
6	LÊ HỒNG MINH	P1	85	1	7			71	PSV	Vietnamese
7	DƯƠNG BÁ HÙNG	P1	86	1	5			65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	P1	99,3000	2	16			60	PSV	Vietnamese
9	ĐINH TÙNG LÂM	P2	77-78	2	14			74	T-TIN	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH QUANG	P2	69	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ TRỌNG TU	P2	64-65	2	16			59	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
12	NGUYỄN PHƯỚC LỢI	P2	67	1	11			67	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ ANH	P2	71	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	76	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
15	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	66	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN THỌ	P2	72	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG MINH QUÂN	P2	70	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC MINH	P2	73-74	2	5			76	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VĂN ĐÔNG	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	P2	68	1	5	4	71	85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	75	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	8	538	14	101	0	0	8		
2	P2	13	909	15	106	4	71	14		
TOTAL		21	1.447	29	207	4	71	22		
WEIGHT KG			1.447		207		71			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

LÊ TRUNG HIỆU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P10 - RP3	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/2930	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	P10	14	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HỮU DŨNG	P10	02-03	2	12			86	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THẮNG	P10	01	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG HIẾN	P10	10	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	P10	08	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	09	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	P10	06-07	2	11			67	YTE	Vietnamese
8	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	11-12	2	12			82	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH LIÊM	P10	16	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
10	VÕ THÀNH DANH	P10	15	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10						81	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN BẢO TOÀN	P10	04	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH HẢI	P10	05	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY HÀ	P10	13	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
15	BÙI NGỌC QUANG	RP3	47	1	12			62	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	54-55	2	9			68	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	48	1	7			65	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CỪ	RP3	53	1	4			59	KHI	Vietnamese
19	LÃNH TRUNG ĐÔNG	RP3	49	1	4			69	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG HUY KHÁNH	RP3	52	1	8			79	KHI	Vietnamese
21	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	50-51	2	8			64	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN TỬ HẢI	RP3	56	1	4	6	100	69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	14	1.041	16	116	0	0	7		
2	RP3	8	535	10	56	6	100	15		
TOTAL		22	1.576	26	172	6	100	22		
WEIGHT KG			1.576		172		100			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC

☐
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM - 2	TO: PPD - BK5	CREW: NAM - VTHẮNG - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2933	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	87	1	5	3	60	71	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NĂM	PPD	84	1	8			62	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	79	1	4			75	KHI	Vietnamese
4	BÙI VĂN CHINH	PPD	500	1	9			71	KHI	Vietnamese
5	NGÔ SỸ THANH	PPD	82	1	6			85	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	88	1	13			72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	98	1	3	1	7	68	KHI	Vietnamese
8	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	93	1	6			83	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	80	1	3			67	KHI	Vietnamese
10	DOÃN THÀNH CÔNG	PPD	78	1	9			70	KHI	Vietnamese
11	LÊ MINH PHỤNG	PPD	83	1	7			78	KHI	Vietnamese
12	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	85-86	2	10			90	KHI	Vietnamese
13	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	91-92	2	10			107	KHI	Vietnamese
14	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	89-90	2	9			80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CƯ	PPD	75	1	7			70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯƠNG NHẬT MINH	PPD	76-77	2	13			79	KHI	Vietnamese
17	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	97	1	7			65	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	81	1	6			75	KHI	Vietnamese
19	BÙI THANH	PPD	99	1	3			61	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	BK5	64	1	8			77	CODIEN	Vietnamese
21	TÔ TIẾN HÙNG	BK5	65-66	2	15			83	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	19	1.429	23	138	4	67	16		
2	BK5	2	160	3	23	0	0	6		
TOTAL		21	1.589	26	161	4	67	22		
WEIGHT KG			1.589		161		67			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO: BK4 - P11	CREW: ĐỨC - T.HIỆU - DSON	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/2940	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK4	77	1	5	1	7	85	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VÕ MẠNH CƯỜNG	BK4	80	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯ LÊ THÀNH TIẾN	BK4	78-79	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ HỮU LINH	BK4						94	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	81	1	5			70	PSV	Vietnamese
6	HUỲNH CHÁNH PHÁT	P11	79	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC ANH	P11	85-86	2	7	1	6	76	YTE	Vietnamese
8	HỒ THÀNH	P11	87	1	13			91	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	89	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TÂN	P11	74	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG LUẬN	P11	76	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	P11	77-78	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	83	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
14	TƯỜNG ANH CÁC	P11	84	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN CÔNG HUY	P11	92	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO TRUNG KIÊN	P11	88	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P11	80	1	10			58	NAM TIẾN	Vietnamese
18	TRẦN NHỎ	P11	81-82	2	14			62	NAM TIẾN	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN DƯ	P11	90	1	5			67	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN KIỀU CẢNH	P11	91	1	6			73	PSV	Vietnamese
21	CAO HOÀNG VỸ	P11	75	1	6			68	PSV	Vietnamese
22	DƯƠNG VĂN PHÁT	P11	73	1	5			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	5	395	5	26	1	7	4		
2	P11	17	1.162	20	119	1	6	18		
TOTAL		22	1.557	25	145	2	13	22		
WEIGHT KG			1.557		145		13			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

LÊ TRUNG HIỆU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:02
B.CARD: VANG-2	TO: P2 - AMD	CREW: HUNG - MTHAO - DTUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 08	VNHS FLIGHT: TM26/2937		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ PHÚ ANH	P2	04	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH MẬU TRUNG KIÊN	P2	11-12	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
3	THÁI HOÀNG TÂM	P2	06	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THIÊN NAM	P2	08	1	2			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÍ NGỌC CẢNH	P2	10	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ HUY HÙNG	P2	05	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P2	19	1	3			64	PSV	Vietnamese
8	BÙI HỮU TRÍ	P2	15	1	4			56	PSV	Vietnamese
9	HOÀNG QUỐC LONG	P2	16	1	4			58	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN KHẮC NGUYỄN	P2	20	1	6			76	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TIỀN TÚ	P2	07	1	8			73	PSV	Vietnamese
12	HOÀNG XUÂN ĐỒNG	P2	01,900	2	7			61	PSV	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN DOANH	P2	03	1	5			66	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ ANH	P2	02	1	8			59	PSV	Vietnamese
15	ĐẶNG TRỌNG ĐỒNG	P2	13	1	12			75	DUY LINH	Vietnamese
16	VÕ QUANG HÀ	P2	14	1	14			63	DUY LINH	Vietnamese
17	VŨ NGỌC TUÂN	P2	17-18	2	14			63	DUY LINH	Vietnamese
18	PHẠM CÔNG HẬU	P2	09	1	10			65	DUY LINH	Vietnamese
19	PHẠM HUỲNH CƯỜNG	AMD	02-03	2	20			72	CODIEN	Vietnamese
20	HÀ QUANG HUY	AMD	04	1	11	3	36	67	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	AMD	01	1	15	2	20	56	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	18	1.215	21	136	0	0	18		
2	AMD	3	195	4	46	5	56	4		
TOTAL		21	1.410	25	182	5	56	22		
WEIGHT KG			1.410		182		56			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:30
B.CARD: NÂU - 3	TO: RP3	CREW: TRƯỜNG - VƯƠNG	ETA: 12:20
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/2927	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ NGỌC CÀNH	RP3	82-83	2	14	3	44	81	CODIEN	Vietnamese
2	HỨA HÙNG SƠN	RP3	71-72	2	20			74	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG NGUYỄN	RP3	81	1	5			67	KHI	Vietnamese
4	ПАХПАТОВ Р.Е	RP3	84	1	12			97	KHI	Russian
5	PHẠM VĂN LẬP	RP3						54	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT KỶ	RP3	66	1	8			72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	69	1	6			89	KHI	Vietnamese
8	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	68	1	3			62	KHI	Vietnamese
9	HÀ THẾ BẢO	RP3						79	KHI	Vietnamese
10	HỒ THANH QUANG	RP3	79-80	2	15			70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC HÀ	RP3	65	1	13			105	KHI	Vietnamese
12	HÀ TUẤN ANH	RP3	67	1	4			56	KHI	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC CHÍNH	RP3	70	1	9			59	KHI	Vietnamese
14	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	73-74	2	8			78	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ HOÀNG BẢO	RP3	75-76	2	10			55	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	RP3	77-78	2	7			73	KHI	Vietnamese
17	VƯƠNG ĐỨC HUY	RP3	85	1	18			93	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	17	1.264	21	152	3	44	19		
TOTAL		17	1.264	21	152	3	44	19		
WEIGHT KG			1.264		152		44			

GRAND TOAL: 1.460 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

DƯƠNG VĂN TRƯỜNG
TRẦN HÙNG VƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: P10	CREW: XHOÀN - NPHÚ - HUY	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10	VNHS FLIGHT: TM26/2931		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI SỸ LONG	P10	35	1	7	4	100	82	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRÍ HẢO	P10						66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P10	38	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
4	HUỖNH CÔNG VÂN	P10	26	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH DŨNG	P10	09	1	3			94	KH-THAC	Vietnamese
6	LÝ TRUNG HIỂU	P10	31	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN HINH	P10	32	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ KIÊN	P10	34	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	37	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	P10	27	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM	P10	36	1	11			98	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU VĂN ĐẠT	P10	28	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	20	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
14	BÙI NGỌC NAM	P10	41	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TÀI	P10	33	1	4			76	PSV	Vietnamese
16	HOÀNG VIỆT ANH	P10	17	1	7			68	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN SƠN	P10	39	1	11	3	47	55	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
18	LÊ VĂN LỰC	P10	29	1	9			70	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
19	ĐẶNG QUỐC PHONG	P10	30	1	9			65	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN TÙNG	P10	18	1	10			64	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG SƠN	P10	25	1	5			70	TRƯỜNG VINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	21	1.511	20	142	7	147	22		
TOTAL		21	1.511	20	142	7	147	22		
WEIGHT KG			1.511		142		147			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: TIM-3	TO: P9 - BK3	CREW: TUYỀN - TTRUNG - NNAM	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11	VNHS FLIGHT: TM26/2938		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THANH TÙNG (21575)	P9	35	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BÀ KỶ	P9						76	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRỌNG ĐỨC	P9	33-34	2	14			61	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ NAM GIANG	P9	31	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÙNG (15224)	P9	33	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	28	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P9	01	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG NAM PHƯƠNG	P9	38	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH HUY KHIÊM	P9						71	KH-THAC	Vietnamese
10	HỨA SAY	P9	95	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	32	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	P9	30	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH TRÍ (2004)	P9	29	1	6			57	PSV	Vietnamese
14	TRẦN THƯƠNG	BK3	45,74	2	14			59	NAM TIẾN	Vietnamese
15	NGUYỄN VÕ PHI NAM	BK3	76	1	9			54	NAM TIẾN	Vietnamese
16	VŨ VĂN NAM	BK3	77	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CÔNG VINH	BK3	75	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHÙNG CÔNG DU	BK3	44	1	10	1	15	74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	13	879	12	75	0	0	15		
2	BK3	5	318	6	45	1	15	7		
TOTAL		18	1.197	18	120	1	15	22		
WEIGHT KG			1.197		120		15			

GRAND TOAL: 1.332 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 03/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: HỒNG -3	TO: KNT	CREW: MMINH - VLINH	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/2926	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	KNT						59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG HÀ	KNT	58	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG CÔNG THỊNH	KNT	67	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG KIÊN	KNT	64	1	13	2	42	96	KH-THAC	Vietnamese
5	TỔNG TRUNG HUY	KNT	59	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THÀNH QUÂN	KNT	62-63	2	13			79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỆU	KNT	60	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH DUY	KNT	66	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THÀNH BẮC	KNT	65	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TRỌNG HIẾU	KNT	68	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN ĐỨC KHÁNH	KNT	57	1	6			65	GETRACO	Vietnamese
12	TRẦN HỮU KIÊN	KNT	61	1	7			62	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	12	885	12	69	2	42	19		
TOTAL		12	885	12	69	2	42	19		
WEIGHT KG			885		69		42			

GRAND TOAL: 996 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

MÀU MẠNH MINH

TRỊNH VINH LINH

